

BẢNG TỔNG HỢP THEO DÕI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ
Học kỳ I năm học: 2024-2025

Các lĩnh vực giáo dục	Lớp	Khối 5 tuổi								Lớp	Khối 4 tuổi								Lớp	Khối 3 tuổi								Lớp	Khối nhà trẻ								Toàn trường							
		Đánh giá cuối kỳ 1 (lần 1)									Đánh giá cuối kỳ 1 (lần 1)									Đánh giá cuối kỳ 1 (lần 1)									Đánh giá cuối kỳ 1 (lần 1)								Đánh giá cuối kỳ 1 (lần 1)							
		T.số trẻ được ĐG		T.số trẻ "Đạt"		T.số trẻ "CCG"		T.số trẻ "CD"			T.số trẻ được ĐG		T.số trẻ "Đạt"		T.số trẻ "CCG"		T.số trẻ "CD"			T.số trẻ được ĐG		T.số trẻ "Đạt"		T.số trẻ "CCG"		T.số trẻ "CD"			T.số trẻ được ĐG		T.số trẻ "Đạt"		T.số trẻ "CCG"		T.số trẻ "CD"									
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%								
Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực thể chất	5TA	34	33	97.1%	1	2.9%	0	0%	4TA	32	31	96.9%	1	3.1%	0	0%	3TA	29	26	89.7%	3	10.3%	0	0%	NTA	20	18	90.0%	2	10.0%	0	0%	340	317	93.2%	23	6.8%	0	0%					
	5TB	35	33	94.3%	2	5.7%	0	0%	4TB	30	28	93.3%	2	6.7%	0	0%	3TB	25	23	92.0%	2	8.0%	0	0%	NTB	19	17	89.5%	2	10.5%	0	0%												
	5TC	35	33	94.3%	2	5.7%	0	0%	4TC	34	32	94.1%	2	5.9%	0	0%	3TC	25	23	92.0%	2	8.0%	0	0%	NTC	22	20	90.9%	2	9.1%	0	0%												
	Cộng tổng	104	99	95.2%	5	4.8%	0	0%	Cộng tổng	96	91	94.8%	5	5.2%	0	0%	Cộng tổng	79	72	91.1%	7	8.9%	0	0%	Cộng tổng	61	55	90.2%	6	9.8%	0	0%												
Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực nhận thức	5TA	34	33	97.1%	1	2.9%	0	0%	4TA	32	31	96.9%	1	3.1%	0	0%	3TA	29	26	89.7%	3	10.3%	0	0%	NTA	20	17	85.0%	3	15.0%	0	0%	340	315	92.6%	25	7.4%	0	0%					
	5TB	35	32	91.4%	3	8.6%	0	0%	4TB	30	29	96.7%	1	3.3%	0	0%	3TB	25	22	88.0%	3	12.0%	0	0%	NTB	19	17	89.5%	2	10.5%	0	0%												
	5TC	35	34	97.1%	1	2.9%	0	0%	4TC	34	32	94.1%	2	5.9%	0	0%	3TC	25	23	92.0%	2	8.0%	0	0%	NTC	22	19	86.4%	3	13.6%	0	0%												
	Cộng tổng	104	99	95.2%	5	4.8%	0	0%	Cộng tổng	96	92	95.8%	4	4.2%	0	0%	Cộng tổng	79	71	89.9%	8	10.1%	0	0%	Cộng tổng	61	53	86.9%	8	13.1%	0	0%												
Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực ngôn ngữ	5TA	34	32	94.1%	2	5.9%	0	0%	4TA	32	30	93.8%	2	6.3%	0	0%	3TA	29	26	89.7%	3	10.3%	0	0%	NTA	20	18	90.0%	2	10.0%	0	0%	340	311	91.5%	29	8.5%	0	0%					
	5TB	35	32	91.4%	3	8.6%	0	0%	4TB	30	28	93.3%	2	6.7%	0	0%	3TB	25	22	88.0%	3	12.0%	0	0%	NTB	19	16	84.2%	3	15.8%	0	0%												
	5TC	35	34	97.1%	1	2.9%	0	0%	4TC	34	31	91.2%	3	8.8%	0	0%	3TC	25	23	92.0%	2	8.0%	0	0%	NTC	22	19	86.4%	3	13.6%	0	0%												
	Cộng tổng	104	98	94.2%	6	5.8%	0	0%	Cộng tổng	96	89	92.7%	7	7.3%	0	0%	Cộng tổng	79	71	89.9%	8	10.1%	0	0%	Cộng tổng	61	53	86.9%	8	13.1%	0	0%												
Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực TCKNXH (TCKNXH-TM-NT)	5TA	34	33	97.1%	1	2.9%	0	0%	4TA	32	29	90.6%	3	9.4%	0	0%	3TA	29	26	89.7%	3	10.3%	0	0%	NTA	20	17	85.0%	3	15.0%	0	0%	340	313	92.1%	27	7.9%	0	0%					
	5TB	35	34	97.1%	1	2.9%	0	0%	4TB	30	28	93.3%	2	6.7%	0	0%	3TB	25	23	92.0%	2	8.0%	0	0%	NTB	19	16	84.2%	3	15.8%	0	0%												
	5TC	35	33	94.3%	2	5.7%	0	0%	4TC	34	32	94.1%	2	5.9%	0	0%	3TC	25	23	92.0%	2	8.0%	0	0%	NTC	22	19	86.4%	3	13.6%	0	0%												
	Cộng tổng	104	100	96.2%	4	3.8%	0	0%	Cộng tổng	96	89	92.7%	7	7.3%	0	0%	Cộng tổng	79	72	91.1%	7	8.9%	0	0%	Cộng tổng	61	52	85.2%	9	14.8%	0	0%												
Đánh giá chung về mức độ phát triển ở lĩnh vực thẩm mỹ	5TA	34	33	97.1%	1	2.9%	0	0%	4TA	32	31	96.9%	1	3.1%	0	0%	3TA	29	27	93.1%	2	6.9%	0	0%	NTA								279	262	93.9%	17	6.1%	0	0%					
	5TB	35	33	94.3%	2	5.7%	0	0%	4TB	30	27	90.0%	3	10.0%	0	0%	3TB	25	23	92.0%	2	8.0%	0	0%	NTB																			
	5TC	35	33	94.3%	2	5.7%	0	0%	4TC	34	32	94.1%	2	5.9%	0	0%	3TC	25	23	92.0%	2	8.0%	0	0%	NTC																			
	Cộng tổng	104	99	95.2%	5	4.8%	0	0%	Cộng tổng	96	90	93.8%	6	6.3%	0	0%	Cộng tổng	79	73	92.4%	6	7.6%	0	0%	Cộng tổng																			
Đánh giá chung về mức độ phát triển của trẻ	5TA	34	32	94.1%	2	5.9%	0	0%	4TA	32	30	93.8%	2	6.3%	0	0%	3TA	29	26	89.7%	3	10.3%	0	0%	NTA	20	18	90.0%	2	10.0%	0	0%	340	312	91.8%	28	8.2%	0	0%					
	5TB	35	33	94.3%	2	5.7%	0	0%	4TB	30	28	93.3%	2	6.7%	0	0%	3TB	25	22	88.0%	3	12.0%	0	0%	NTB	19	16	84.2%	3	15.8%	0	0%												
	5TC	35	33	94.3%	2	5.7%	0	0%	4TC	34	32	94.1%	2	5.9%	0	0%	3TC	25	23	92.0%	2	8.0%	0	0%	NTC	22	19	86.4%	3	13.6%	0	0%												
	Cộng tổng	104	98	94.2%	6	5.8%	0	0%	Cộng tổng	96	90	93.8%	6	6.3%	0	0%	Cộng tổng	79	71	89.9%	8	10.1%	0	0%	Cộng tổng	61	53	86.9%	8	13.1%	0	0%												

TM.BAN GIÁM HIỆU

NGƯỜI TỔNG HỢP